

Số: 70./QĐ-THĐL

Đăng Lâm, ngày 31 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai tình hình quản lý sử dụng tài sản năm 2023**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐĂNG LÂM**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Xét đề nghị của kế toán nhà trường, các đoàn thể trong nhà trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai thực tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 (các biểu công khai kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban giám hiệu, bộ phận kế toán tài chính và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu :VT

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Thị Thúy Hải**

Bộ, tỉnh: Thành phố Hải Phòng  
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND quận Hải An  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Đằng Lâm  
Mã đơn vị: 1074258  
Loại hình đơn vị: Khóis sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2023

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng          | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            |                 | Mục đích sử dụng                |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                          |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                          |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                        | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8               | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| I   | Tài sản cố định khác                                          |                          | 89       | 3.811.679                                                       | 3.571.133       | 240.546    | 2.322.553       |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|     | Năm 2006                                                      |                          | 1        | 13.200                                                          | 13.200          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Bàn hợp                                                       | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 13.200                                                          | 13.200          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|     | Năm 2014                                                      |                          | 3        | 74.434                                                          | 51.957          | 22.476     |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Máy chiếu                                                     | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 15.107                                                          | 15.107          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 2   | Máy vi tính xách tay                                          | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 22.476                                                          |                 | 22.476     |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 3   | Tủ sấy bát                                                    | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 36.850                                                          | 36.850          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|     | Năm 2015                                                      |                          | 14       | 182.606                                                         | 182.606         |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Tủ đựng tài liệu                                              | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 6.000                                                           | 6.000           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 2   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 9.650                                                           | 9.650           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 3   | Ghế ngồi làm việc                                             | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 6.000                                                           | 6.000           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 4   | Bộ ti vi và CPU                                               | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 16.440                                                          | 16.440          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 5   | Bộ ti vi và CPU                                               | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 16.440                                                          | 16.440          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 6   | Bộ ti vi và CPU                                               | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 16.440                                                          | 16.440          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng          | Số lượng | Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      | Mục đích sử dụng |  |  |  |  |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|------------------|--|--|--|--|
|     |                                                               |                          |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác     |  |  |  |  |
|     |                                                               |                          |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 1   | 2                                                             | 3                        | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8               | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15               |  |  |  |  |
| 7   | Bộ ti vi và CPU                                               | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 16.440                                                          | 16.440          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 8   | Bộ ti vi và CPU                                               | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 16.440                                                          | 16.440          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 9   | Bộ ti vi và CPU                                               | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 16.440                                                          | 16.440          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 10  | Bộ ti vi và CPU                                               | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 16.440                                                          | 16.440          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 11  | Bộ ti vi và CPU                                               | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 16.440                                                          | 16.440          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 12  | Bộ bàn ghế hợp                                                | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 7.000                                                           | 7.000           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 13  | Bàn làm việc                                                  | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 6.000                                                           | 6.000           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 14  | Bộ ti vi và CPU                                               | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 16.440                                                          | 16.440          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
|     | Năm 2016                                                      |                          | 15       | 279.450                                                         | 279.450         |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 1   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 18.200                                                          | 18.200          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 2   | Tủ đựng tài liệu                                              | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 11.000                                                          | 11.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 3   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 19.950                                                          | 19.950          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 4   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 19.950                                                          | 19.950          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 5   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 18.200                                                          | 18.200          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 6   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 18.200                                                          | 18.200          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 7   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 18.200                                                          | 18.200          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 8   | Bàn chậu rửa inox                                             | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 18.000                                                          | 18.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |
| 9   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 18.200                                                          | 18.200          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |                  |  |  |  |  |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng          | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            |                 |                                 | Mục đích sử dụng       |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                          |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                          |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                        | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8               | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 10  | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 18.200                                                          | 18.200          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 11  | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 18.200                                                          | 18.200          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 12  | Máy camera thu hình vật thể                                   | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 19.000                                                          | 19.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 13  | Đàn                                                           | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 19.950                                                          | 19.950          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 14  | Âm thanh, loa máy                                             | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 26.000                                                          | 26.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 15  | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 18.200                                                          | 18.200          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|     | Năm 2017                                                      |                          | 14       | 313.200                                                         | 313.200         |            | 9.675           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 15.600                                                          | 15.600          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 2   | Tủ cơm gas                                                    | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 25.800                                                          | 25.800          |            | 9.675           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 3   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 24.000                                                          | 24.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 4   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 24.000                                                          | 24.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 5   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 15.600                                                          | 15.600          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 6   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 15.600                                                          | 15.600          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 7   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 24.250                                                          | 24.250          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 8   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 24.250                                                          | 24.250          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 9   | CPU                                                           | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 4.500                                                           | 4.500           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 10  | CPU                                                           | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 4.500                                                           | 4.500           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 11  | Hệ thống âm thanh ngoài trời                                  | Trường Tiểu học Đảng Lâm | 1        | 88.500                                                          | 88.500          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng          | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            |                 | Mục đích sử dụng                |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                          |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                          |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                        | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8               | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 12  | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 24.000                                                          | 24.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 13  | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 15.600                                                          | 15.600          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 14  | Máy in                                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 7.000                                                           | 7.000           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|     | Năm 2018                                                      |                          | 11       | 227.400                                                         | 227.400         |            | 43.380          |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 19.000                                                          | 19.000          |            | 2.850           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 2   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 21.000                                                          | 21.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 3   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 21.000                                                          | 21.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 4   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 21.000                                                          | 21.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 5   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 21.000                                                          | 21.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 6   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 14.200                                                          | 14.200          |            | 2.130           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 7   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 19.000                                                          | 19.000          |            | 2.850           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 8   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 14.200                                                          | 14.200          |            | 2.130           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 9   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 14.200                                                          | 14.200          |            | 2.130           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 10  | Cánh gà sân khấu                                              | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 48.600                                                          | 48.600          |            | 29.160          |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 11  | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 14.200                                                          | 14.200          |            | 2.130           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|     | Năm 2019                                                      |                          | 10       | 139.285                                                         | 139.285         |            | 52.529          |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 19.500                                                          | 19.500          |            | 9.750           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 2   | Máy xay thịt                                                  | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 12.000                                                          | 12.000          |            | 6.000           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng          | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            |                 | Mục đích sử dụng                |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                          |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                          |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                        | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8               | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 3   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 19.500                                                          | 19.500          |            | 9.750           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 4   | Máy điều hòa không khí                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 19.500                                                          | 19.500          |            | 9.750           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 5   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 17.600                                                          | 17.600          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 6   | Mái trước sân khấu                                            | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 10.164                                                          | 10.164          |            | 5.590           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 7   | CPU                                                           | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 9.885                                                           | 9.885           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 8   | CPU                                                           | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 9.885                                                           | 9.885           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 9   | Biển công trường                                              | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 10.164                                                          | 10.164          |            | 5.590           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 10  | Mái sau sân khấu                                              | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 11.088                                                          | 11.088          |            | 6.098           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|     | Năm 2020                                                      |                          | 3        | 38.000                                                          | 38.000          |            | 12.400          |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Loa kéo                                                       | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 11.500                                                          | 11.500          |            | 4.600           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 2   | Máy in                                                        | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 7.000                                                           | 7.000           |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 3   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 19.500                                                          | 19.500          |            | 7.800           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|     | Năm 2021                                                      |                          | 7        | 79.100                                                          | 79.100          |            | 30.440          |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Máy vi tính để bàn                                            | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 11.300                                                          | 11.300          |            | 4.349           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 2   | Máy vi tính để bàn                                            | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 11.300                                                          | 11.300          |            | 4.349           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 3   | Máy vi tính để bàn                                            | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 11.300                                                          | 11.300          |            | 4.349           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 4   | Máy vi tính để bàn                                            | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 11.300                                                          | 11.300          |            | 4.349           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 5   | Máy vi tính để bàn                                            | Trường Tiểu học Đăng Lâm | 1        | 11.300                                                          | 11.300          |            | 4.349           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng          | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            |                 |                                 |                        |                           | Mục đích sử dụng |          |                      |              |  |  |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------------|----------|----------------------|--------------|--|--|
|     |                                                               |                          |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh       | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |  |  |
|     |                                                               |                          |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
| 1   | 2                                                             | 3                        | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8               | 9                               | 10                     | 11                        | 12               | 13       | 14                   | 15           |  |  |
| 6   | Máy vi tính để bàn                                            | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 11.300                                                          | 11.300          |            | 4.349           |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
| 7   | Máy vi tính để bàn                                            | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 11.300                                                          | 11.300          |            | 4.349           |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
|     | Năm 2022                                                      |                          | 7        | 183.020                                                         |                 | 183.020    | 126.312         |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
| 1   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 17.820                                                          |                 | 17.820     | 10.692          |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
| 2   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 4        | 55.200                                                          |                 | 55.200     | 33.120          |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
| 3   | Tủ cơm gas                                                    | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 55.000                                                          |                 | 55.000     | 41.250          |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
| 4   | Tủ cơm gas                                                    | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 55.000                                                          |                 | 55.000     | 41.250          |                                 |                        |                           |                  |          |                      | x            |  |  |
|     | Năm 2023                                                      |                          | 4        | 2.281.985                                                       | 2.246.935       | 35.050     | 2.047.817       |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
| 1   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 15.550                                                          |                 | 15.550     | 12.440          |                                 | x                      |                           |                  |          |                      |              |  |  |
| 2   | Màn hình P2.5 fullcolour phòng Hội trường                     | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 98.588                                                          | 98.588          |            | 86.265          |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
| 3   | Sửa chữa dây nhà lớp học 1 tầng và các hạng mục phụ trợ       | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 2.148.347                                                       | 2.148.347       |            | 1.933.512       |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
| 4   | Ti vi                                                         | Trường Tiểu học Đằng Lâm | 1        | 19.500                                                          |                 | 19.500     | 15.600          |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |
|     | Tổng cộng                                                     |                          | 89       | 3.811.679                                                       | 3.571.133       | 240.546    | 2.322.553       |                                 |                        |                           |                  |          |                      |              |  |  |

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Dương Minh Nguyệt

Ngày 21 tháng 10 năm 2023  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên và đóng dấu)  
Phạm Thị Thúy Hải

Bộ, tỉnh: Thành phố Hải Phòng

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND quận Hải An

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Đằng Lâm

Mã đơn vị: 1074258

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUẾ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

| Stt | Tên tài sản                                             | Đơn vị tính | Số lượng | Nhãn hiệu | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Giá mua/thuê (Nghìn đồng) | Hình thức mua sắm/thuê | Nhà cung cấp (người bán) | Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) | Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có) |                                 | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------|----------|-----------|---------------|--------------|---------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
|     |                                                         |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            | Nộp NSNN (Nghìn đồng)                                            | Được để lại đơn vị (Nghìn đồng) |         |
| 1   | 2                                                       | 3           | 4        | 5         | 6             | 7            | 8                         | 9                      | 10                       | 11                                                                                         | 12                                                               | 13                              | 14      |
| I   | Đầu tư xây dựng, mua sắm                                |             |          |           |               |              | 2.281.985                 |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 4   | Tài sản cố định khác                                    |             |          |           |               |              | 2.281.985                 |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
|     | Màn hình P2.5 fullcolour phòng Hội trường               | bộ          | 1        |           |               |              | 98.588                    |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
|     | Sửa chữa dây nhà lớp học 1 tầng và các hạng mục phụ trợ | Cải         | 1        |           |               |              | 2.148.347                 |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
|     | Ti vi                                                   | Chiếc       | 1        |           |               |              | 19.500                    |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
|     | Ti vi                                                   | Cải         | 1        |           |               | 2023         | 15.550                    | Mua sắm trực tiếp      |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
|     | Tổng cộng                                               |             |          |           |               |              | 2.281.985                 |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Dương Minh Nguyệt

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phạm Thị Thủy Hải



Bộ, tỉnh: Thành phố Hải Phòng  
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND quận Hải An  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Đằng Lâm  
Mã đơn vị: 1074258  
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

| STT | TÀI SẢN                                     | TỔNG CỘNG |           | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG |                     |            |          |                      |                 |              |
|-----|---------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------|---------------------|------------|----------|----------------------|-----------------|--------------|
|     |                                             | SỐ LƯỢNG  | DIỆN TÍCH | Quản lý nhà nước   | Hoạt động sự nghiệp |            |          |                      |                 | Sử dụng khác |
|     |                                             |           |           |                    | Không kinh doanh    | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp |              |
| 1   | 2                                           | 3         | 4         | 5                  | 6                   | 7          | 8        | 9                    | 10              | 11           |
| 1   | Trường Tiểu học Đằng Lâm - Mã QHNS: 1074258 | 89        |           |                    |                     |            |          |                      |                 |              |
|     | 1 - Đất khuôn viên                          |           |           |                    |                     |            |          |                      |                 |              |
|     | 2 - Nhà                                     |           |           |                    |                     |            |          |                      |                 |              |
|     | 3 - Xe ô tô                                 |           |           |                    |                     |            |          |                      |                 |              |
|     | 4 - Tài sản cố định khác                    | 89        |           |                    | 88                  |            |          |                      |                 | 1            |
|     | Tổng cộng                                   | 89        |           |                    |                     |            |          |                      |                 |              |

Quận Hải An, ngày 31 tháng 12 năm 2023  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên và đóng dấu)  
  
Phạm Thị Thúy Hải

Bộ, tỉnh: Thành phố Hải Phòng

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND quận Hải An

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Đằng Lâm

Mã đơn vị: 1074258

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10a-CK/TS

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

| STT | TÀI SẢN                                     | ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/MUA SẴM |           |            | TIẾP NHẬN |           |            | THUÊ     |           |            |
|-----|---------------------------------------------|-------------------------|-----------|------------|-----------|-----------|------------|----------|-----------|------------|
|     |                                             | Số lượng                | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng  | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá |
| 1   | 2                                           | 3                       | 4         | 5          | 6         | 7         | 8          | 9        | 10        | 11         |
| 1   | Trường Tiểu học Đằng Lâm - Mã QHNS: 1074258 | 4                       |           | 2.281.985  |           |           |            |          |           |            |
|     | 1 - Đất khuôn viên                          |                         |           |            |           |           |            |          |           |            |
|     | 2 - Nhà                                     |                         |           |            |           |           |            |          |           |            |
|     | 3 - Xe ô tô                                 |                         |           |            |           |           |            |          |           |            |
|     | 4 - Tài sản cố định khác                    | 4                       |           | 2.281.985  |           |           |            |          |           |            |
|     | Tổng cộng                                   | 4                       |           | 2.281.985  |           |           |            |          |           |            |

Người lập báo cáo

(Ký và ghi rõ họ tên)

Dương Minh Nguyệt

Quản Hải An, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phạm Thị Thúy Hải